

Số: 915/QĐ-GDDT

Cần Giờ, ngày 28 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu - chi NSNN các đơn vị hành chính sự nghiệp huyện năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước các đơn vị hành chính - sự nghiệp huyện năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 3564/TB-TCKH ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về kết quả thẩm tra phân bổ dự toán thu - chi NSNN ngành giáo dục năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ cụ thể như sau:

- Tiền hỗ trợ kinh phí thực hiện phổ cập bơi lội cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở năm học 2021-2022 trường Tiểu học An Nghĩa: 35 học sinh x 320.000 = 11.200.000 đồng
- Kinh phí tinh giản biên chế cho trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp: 362.110.720 đồng
- Sửa chữa thang máy trường Chuyên biệt Cần Thạnh: 15.059.000 đồng

- Sửa chữa thang máy trường Mầm non Tam Thôn Hiệp: 52.500.000 đồng
- Mua sắm bàn ghế cho học sinh trường Mầm non Đồng Tranh: 19.700.00 đồng

Tổng cộng: 460.569.720 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng)

(Đính kèm phụ lục)

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi NSNN năm 2022 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch Cần Giờ;
- Kho bạc nhà nước Cần Giờ;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, TV.



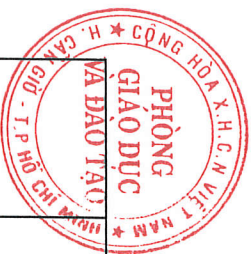
Võ Thị Diễm Phượng

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 915/QĐ-CDDT ngày 28/11/2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

DVT: đồng



PHẦN CHI DO NSNN CẤP											GHI CHÚ
Chương, loại, khoản.	Mã DVSDNS	NỘI DUNG	Tổng cộng	Kinh phí tự chủ			Kinh phí không tự chủ				
				Cộng	Mã nguồn 13	Mã nguồn 14	Cộng	Mã nguồn 15-cấp kinh phí sửa chữa	Mã nguồn 15-cấp kinh phí bồi lột	Mã nguồn 14-kinh phí chế độ tính giảm biên chế	
622.070.071	1124815	Trường Mầm non Đồng Tranh	19.700.000	0			19.700.000	19.700.000	0	0	
622.070.071	1035490	Trường Mầm non Tam Thôn Hiệp	52.500.000	0			52.500.000	52.500.000	0	0	
		Cộng 071	72.200.000	0	0	0	72.200.000	72.200.000	0	0	0
622.070.072	1035435	Trường Tiểu học An Nghĩa	11.200.000	0			11.200.000	0	11.200.000	0	
622.070.072	1035492	Trường T.học Tam Thôn Hiệp	362.110.720	0			362.110.720	0	0	362.110.720	
622.070.072	1086748	Trường chuyên biệt Cần thành	15.059.000	0			15.059.000	15.059.000	0	0	
		Cộng 072	388.369.720	0	0	0	388.369.720	15.059.000	11.200.000	362.110.720	
		Tổng cộng	460.569.720	0	0	0	460.569.720	87.259.000	11.200.000	362.110.720	

PHỤ LỤC SỐ 02

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON ĐỒNG TRANH

Mã số ĐVSDNS: 1124815

(Kèm theo quyết định số 915 /QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	19.700.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	19.700.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	19.700.000	kinh phí sửa chữa
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035490

(Kèm theo quyết định số 915 /QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)
Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	52.500.000	
622.070.071	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.071		Kinh phí không thực hiện tự chủ	52.500.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	52.500.000	kinh phí sửa chữa
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC AN NGHĨA

Mã số ĐVSDNS: 1035435

(Kèm theo quyết định số 915 /QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	11.200.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	11.200.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	11.200.000	kinh phí bơi lội
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	0	



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC TAM THÔN HIỆP
Mã số ĐVSDNS: 1035492

(Kèm theo quyết định số 915 /QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	362.110.720	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	362.110.720	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	362.110.720	kinh phí tinh giản biên chế



PHỤ LỤC SỐ 02
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022
Đơn vị: TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT CẦN THẠNH
Mã số ĐVSDNS: 1086748

(Kèm theo quyết định số 915 /QĐ-GDDT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ)

Đơn vị tính: đồng

Chương, Loại,	Mã nguồn		Tổng số	Ghi chú
		<u>II- Dự toán chi NSNN</u>	15.059.000	
622.070.072	11	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	
	13	+ Kinh phí chi thường xuyên		
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
622.070.072		Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.059.000	
	15	+ Kinh phí chi thường xuyên	15.059.000	kinh phí sửa chữa
	14	+ Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		

